TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 7 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi
Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên toà: Bà Tô Huyền Trang – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 229/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1991. Địa chỉ cư trú: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận. (có mặt).

**** Bị đơn:*** Ông Trang Minh Kh, sinh năm: 1984; Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/4/2024 và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trang Minh Kh kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 27/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống xảy ra cãi vã. Bà và ông Kh đã ly thân khoảng 04 năm nay. Bà N yêu cầu ly hôn với ông Kh.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trang Nguyễn Phú V, sinh ngày 18/9/2013; con tên Trang Hòa Th, sinh ngày 01/4/2016. Khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu phân chia.
- Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã triệu tập ông Trang Minh Kh và thông báo về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà N. Ông Kh không đến Tòa án theo triệu tập cũng không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

1] Bà Nguyễn Thị N và ông Trang Minh Kh kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Bà N yêu cầu ly hôn với ông Kh. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với ông Trang Minh Kh, Tòa án tống đạt tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng để triệu tập ơng Kh đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai, triệu tập ông Kh để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Kh vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Kh theo quy định tại các Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà N xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống xảy ra cãi vã. Bà và ông Kh đã ly thân khoảng 04 năm nay. Bà xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với ông Kh. Dù ông Kh đã được triệu tập tham gia tố tụng vụ án nhưng đều vắng mặt và không yêu cầu hàn gắn. Xét thấy, bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn, ông Kh không yêu cầu hàn gắn, thể hiện hôn nhân của ông bà đã có mâu thuẫn, không có thể hàn gắn nên chấp nhận cho bà N ly hôn với ông Kh.

[4] Về con chung: Có 02 người con chung tên Trang Nguyễn Phú V, sinh ngày 18/9/2013 và Trang Hòa Th, sinh ngày 01/4/2016, đang sống cùng bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của con chung, ông Kh không có ý kiến phản đối nên có căn cứ chấp nhận. Bà N không yêu cầu giải quyết trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N thống nhất xác định tự thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu Tòa án phân chia. Bà N xác định không có nợ chung, ông Kh không có ý kiến phản đối. Đến nay không có cá nhân tổ chức nào yêu cầu trách nhiệm trả nợ của bà N và ông Kh. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung và tài sản chung.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 207, 227, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Trang Minh Kh.

Về con chung: Tiếp tục giao hai người con chung tên Trang Nguyễn Phú V, sinh ngày 18/9/2013 và Trang Hòa Th, sinh ngày 01/4/2016 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trang Minh Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về Tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*, bà Nguyễn Thị N phải nộp. Ngày 16/4/2024 bà Nguyễn Thị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau theo lai thu số 0008433 được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Phan Thị Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- UBND xã Tắc Vân, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.